TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 3/5/2019
***V/v:* " Xin ly hôn, nuôi con ".**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Nguyễn Tấn Phong

2/Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không dự phiên tòa:

Ngày 3 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2018/TLST-HNGĐ, ngày 5/10/2018 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 9/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/03/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị TT, sinh năm 1987 (có mặt)
ĐKHKTT: Tổ 2, ấp MTB, xã MT, BT, Vĩnh Long.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Â, sinh năm 1990 (vắng mặt)
ĐKHKTT: Tổ 2, ấp MTB, xã MT, BT, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 12/9/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị TT trình bày: Vào năm 2008, tôi và anh Nguyễn Văn A quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình đôi bên chấp nhận nên tiến tới hôn nhân. Tôi và anh Nguyễn Văn Â có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TM, tỉnh ĐT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/2/2012. Nữ trang ngày cưới gồm: 1 đôi bông hoa tai 1 chỉ vàng 24k, 1 sợi dây chuyền 2 chỉ vàng 24k, 1 cặp nhẫn cưới 1 chỉ vàng 18k. Hiện nay đã bán tiêu xài hết.

Sau ngày cưới vợ chồng sống chung bên cha mẹ vợ tại Tổ 2, ấp T, huyện BT. Tôi và anh Nguyễn Văn Â chung sống với nhau sinh được 02 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 21/8/2009; Nguyễn Tuyết A, sinh 4/4/2015. Hiện nay 2 cháu đang sống chung với tôi.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẩn gia đình: Do anh Â không chí thú làm ăn mà tụ tập ăn chơi bên ngoài gây ra nợ nần. chị T đã nhiều lần khuyên ngăn, anh Â hứa sẽ sữa đổi không ăn chơi nữa nhưng vẫn không sữa đổi. Có lần anh Â còn hâm đánh tôi và mẹ ruột của tôi là bà Huỳnh Thị P. Tôi và anh Nguyễn Văn Â mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm lại được. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Â.

- Về con chung: Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng 2 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 21/8/2009; Nguyễn Tuyết A, sinh 4/4/2015 và không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản: không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Anh Nguyễn Văn Â là bị đơn không nộp bản khai trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Ngô Thị TT trình bày: Do anh Â không chí thú làm ăn mà tụ tập ăn chơi, hút ma túy bên ngoài gây ra nợ nần và dẫn đến nghiện. Tôi đã nhiều lần khuyên ngăn, anh Â hứa sẽ sữa đổi không ăn chơi và hút ma túy nữa nhưng vẫn không sữa đổi. Có lần anh Â còn hâm đánh tôi và mẹ ruột của tôi là bà Huỳnh Thị P đề lấy tiền hút ma túy. Tôi và anh Nguyễn Văn Â mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn tình cảm lại được.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: xin được ly hôn anh Nguyễn Văn Â.

- Về con chung: Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng 2 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 21/8/2009; Nguyễn Tuyết A, sinh 4/4/2015 và không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản: không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã MT, huyện BT, tỉnh VL và có mặt tại địa phương do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT được quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Nguyễn Văn Â cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Â.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, chị Ngô Thị TT và anh Nguyễn Văn Â kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TM, tỉnh ĐT, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống thì anh Â không chí thú lo làm ăn mà tụ tập ăn chơi bên ngoài gây ra nợ nần. Anh Â không chăm sóc cho gia đình vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn, anh Â hứa sẽ sữa đổi không ăn chơi nữa nhưng vẫn không sữa đổi. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó chị T xin ly hôn anh Â là có căn cứ. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4]Xét về con chung: Chị Ngô Thị TT và anh Nguyễn Văn Â sống chung với nhau có 2 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 21/8/2009; Nguyễn Tuyết A, sinh 4/4/2015. Hiện 2 cháu đang sống chung với chị Trinh. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T đang nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T và cháu Tuyết A, để đảm bảo ổn định môi trường sống, học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu T và cháu Tuyết A không bị thay đổi cần để cho chị T tiếp tục nuôi con chung là phù hợp không trái quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Do đó áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị T.

Anh Nguyễn Văn Â được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh Â không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây anh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5]Về quan hệ tài sản: chị Ngô Thị TT và anh Nguyễn Văn Â không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Ngô Thị TT nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015176 ngày 5/10/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị TT.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị TT được ly hôn anh Nguyễn Văn Â.

2/Về con chung: Chị Ngô Thị TT được tiếp tục nuôi 2 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 21/8/2009; Nguyễn Tuyết A, sinh 4/4/2015. Chị T không yêu cầu anh Â cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Â được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh Â không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Â.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Ngô Thị Tú T nộp 300.000 đồng, chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015176 ngày 5/10/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Ngô thị TT biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Văn Â vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản sao bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
-UBND xã Thanh Mỹ, Huyện Tháp Mười, Đồng Tháp;
- các đương sự;
- Lưu.